

Số: 3385/UBND-NV

Triệu Sơn, ngày 05 tháng 11 năm 2019

V/v báo cáo kết quả triển khai thực hiện CCHC, tự đánh giá chấm điểm và nộp tài liệu kiểm chứng xác định Chỉ số CCHC năm 2019.

Kính gửi: Chủ tịch UBND các xã, thị trấn.

Để xác định Chỉ số cải cách hành chính năm 2019 và báo cáo theo quy định tại Quyết định số 11842/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND huyện Triệu Sơn về việc ban hành Quy định xác định chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn; Chủ tịch UBND huyện yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn thực hiện một số nội dung sau:

1. Đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC

Căn cứ nhiệm vụ được giao trong Kế hoạch số 3204/KH-UBND ngày 14/12/2018 về cải cách hành chính năm 2019; Kế hoạch số 01/KH-UBND ngày 02/01/2019 về tuyên truyền cải cách hành chính năm 2019; Kế hoạch hành động đẩy mạnh CCHC, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp và nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2016- 2020 và các văn bản chỉ đạo triển khai CCHC. UBND các xã, thị trấn tiến hành đánh giá kết quả triển khai thực hiện công tác CCHC của đơn vị mình.

2. Tự đánh giá, chấm điểm xác định chỉ số CCHC

Căn cứ Quyết định số 11842/2016/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND huyện về việc ban hành Quy định xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã, thị trấn; Hướng dẫn số 2181/UBND-NV ngày 20/10/2017 về việc hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã, thị trấn và kết quả triển khai nhiệm vụ CCHC tại mục 1, tự đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC.

3. Xây dựng báo cáo tự đánh giá chấm điểm xác định Chỉ số CCHC

Xây dựng báo cáo theo Hướng dẫn số 2181/UBND-NV ngày 20/10/2017 về việc hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm để xác định Chỉ số CCHC của UBND các xã, thị trấn (Có văn bản gửi kèm theo).

4. Gửi báo cáo kết quả xác định Chỉ số CCHC và tài liệu kiểm chứng

Sau khi hoàn thành việc tự đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC năm 2019, yêu cầu UBND các xã, thị trấn gửi báo cáo tự đánh giá chấm điểm kèm theo Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá chấm điểm và tài liệu kiểm chứng (Kế hoạch, Hướng dẫn, Báo cáo, Đề án, Quyết định, các số liệu thống kê, Biên bản,... các văn bản đã thực hiện triển khai tại mục 1) có đầy đủ chữ ký, con dấu theo thẩm

quyền, làm căn cứ cho việc tính điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần. Tài liệu kiểm chứng để đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC và các báo cáo yêu cầu tại mục 1 được bỏ vào bì đựng hồ sơ, ghi rõ trên bì "Báo cáo đánh giá chấm điểm Chỉ số CCHC và tài liệu kiểm chứng", số điện thoại liên lạc gửi về UBND huyện (qua Phòng Nội vụ) trước ngày 01/12/2019, để tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND huyện.

Yêu cầu UBND các xã, thị trấn nghiêm túc thực hiện, báo cáo đúng thời gian quy định./. *7/6*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TTHU, TTHĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



*** Hồ Trường Sơn**

Số: 2181/UBND-NV

Triệu Sơn, ngày 20 tháng 10 năm 2017

V/v hướng dẫn tự đánh giá chấm điểm
để xác định chỉ số cải cách hành chính
của UBND các xã, thị trấn.

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Quyết định số 11842/QĐ-UBND ngày 01/11/2016 của UBND huyện về việc ban hành Quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn; UBND huyện hướng dẫn việc tự đánh giá, chấm điểm các tiêu chí (TC), tiêu chí thành phần (TCTP) để xác định Chỉ số cải cách hành chính của UBND các xã, thị trấn như sau:

A. TỰ ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM CÁC TIÊU CHÍ, TIÊU CHÍ THÀNH PHẦN

Chỉ số CCHC của UBND các xã, thị trấn được xác định trên 7 lĩnh vực, 21 tiêu chí và 37 tiêu chí thành phần cụ thể:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC: 3 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần (tổng điểm 24).

1. Kế hoạch CCHC năm

- *TCTP 1.1 Ban hành kế hoạch CCHC năm*: Xác định thời điểm gửi căn cứ vào ngày ban hành Kế hoạch của đơn vị và ngày UBND huyện nhận được Kế hoạch (theo ngày nhận công văn đến nếu gửi bản giấy, hoặc ngày nhận trong hòm thư điện tử đối với văn bản điện tử có dấu). Đối chiếu thời gian ban hành với thang điểm để cho điểm đánh giá (trong quý IV của năm liền kề Kế hoạch được 4 điểm). Không kịp thời, chậm nhất là ngày 31/3 của năm Kế hoạch tính 2 điểm. Không ban hành, hoặc ban hành sau ngày 31/3 của năm kế hoạch tính 0 điểm.

- *TCTP 1.2. Xác định đầy đủ các nhiệm vụ CCHC*: Các nhiệm vụ trong Kế hoạch CCHC của UBND các xã, thị trấn xác định đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại Kế hoạch CCHC huyện và sát với tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị đồng thời bố trí kinh phí triển khai đối chiếu với thang điểm để tính điểm.

- *TCTP 1.3. Kết quả yêu cầu đạt được của kế hoạch*: Kết quả đạt được phải cụ thể; xác định trách nhiệm tổ chức, cá nhân; thời gian hoàn thành thì điểm đánh giá là 2 điểm, nếu không đạt được một trong số các yêu cầu trên điểm đánh giá bằng 0.

- *TCTP 1.4. Mức độ thực hiện Kế hoạch CCHC*: Trên cơ sở kết quả thực hiện các sản phẩm hoàn thành tính tỷ lệ % so với tổng số nhiệm vụ và đối chiếu thang điểm để chấm điểm.

2. Báo cáo CCHC

- *TCTP 2.1. Số lượng báo cáo CCHC*: Đối chiếu số lượng báo cáo theo quy định với thang điểm để cho điểm.

- *TCTP 2.2. Nội dung báo cáo*: Nội dung báo cáo đảm bảo theo đúng hướng dẫn của UBND huyện được 2 điểm, không đúng hướng dẫn điểm là 0.

- *TCTP 2.3. Thời gian nộp báo cáo*: Tất cả báo cáo được gửi đúng thời gian quy định được 4 điểm, không đúng quy định đối chiếu thang điểm để chấm điểm.

3. Tuyên truyền CCHC

- *TCTP 3.1. Kế hoạch tuyên truyền CCHC*: có ban hành Kế hoạch tuyên truyền CCHC hoặc nằm trong nội dung của Kế hoạch năm của cơ quan, đơn vị được chấm 2 điểm, không có kế hoạch điểm tính bằng 0.

- *TCTP 3.2. Mức độ thực hiện Kế hoạch tuyên truyền CCHC*: Trên cơ sở kết quả thực hiện các sản phẩm hoàn thành tính tỷ lệ % so với tổng số nhiệm vụ và đối chiếu thang điểm để chấm điểm.

II. XÂY DỰNG VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT: 5 tiêu chí và 9 tiêu chí thành phần (tổng điểm 18).

1. Xây dựng văn bản quy phạm pháp luật của các xã, thị trấn

- *TCTP 1.1 Thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL*: đối chiếu việc thực hiện quy trình xây dựng VBQPPL của cơ quan, đơn vị với quy trình xây dựng VBQPPL của cấp trên, của Luật ban hành VBQPPL, nếu thực hiện đúng quy định được 1 điểm, không đúng quy định điểm đánh giá bằng 0.

- *TCTP 1.2. Mức độ phù hợp với tình hình thực tế của VBQPPL*: Các văn bản của UBND các xã, thị trấn ban hành hàng năm phải phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị, địa phương, đối chiếu thang điểm quy định để tính điểm.

- *TCTP 1.3 Tính khả thi của văn bản ban hành*: các văn bản QPPL do các xã, thị trấn ban hành có tính khả thi cao được tính 1 điểm.

- *TCTP 1.4 Tính hiệu quả*: Các VB QPPL do các xã, thị trấn ban hành đạt hiệu quả cao trong triển khai thực hiện được tính 1 điểm, hiệu quả thấp 0 tính điểm.

2. Thực hiện rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật của xã, thị trấn

Việc tổ chức rà soát, hệ thống văn hóa VBQPPL, văn bản quản lý điều hành thuộc quản lý của đơn vị hàng năm thể hiện ở việc có ban hành Kế hoạch, tổ chức thực hiện và báo cáo kết quả hàng năm. Đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm đạt được.

3. Tổ chức triển khai VBQPPL của cấp trên tại xã, thị trấn

Tổ chức triển khai thực hiện VBQPPL do Trung ương, tỉnh, huyện ban hành: tính tỷ lệ % các VBQPPL được triển khai thực hiện so với tổng số

VBQPPL do Trung ương, tỉnh ban hành, đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm.

4. Thực hiện việc tự kiểm tra VBQPPL tại xã, thị trấn

- *TCTP 4.1 Ban hành Kế hoạch kiểm tra việc thực hiện VBQPPL tại đơn vị:* có ban hành tính 2 điểm. Ban hành KH không kịp thời hoặc chậm nhất ngày 31/3 của năm Kế hoạch điểm là 1. Không ban hành hoặc sau ngày 31/3 của năm Kế hoạch điểm là 0.

- *TCTP 4.2 Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra:* Thực hiện kiểm tra trên 80% trong kế hoạch đề ra được tính 2 điểm, từ 70%-80% tính 1 điểm, đối chiếu thang điểm quy định để tính điểm các mức kế tiếp.

- *TCTP 4.3 Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra:* Qua kiểm tra, thông kê trong báo cáo, biên bản, kết luận kiểm tra, số lượng các vấn đề phát hiện cần xử lý hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý. Tất cả các vấn đề được xử lý, kiến nghị đạt 2 điểm, từ 70% trở lên các vấn đề được xử lý đạt 1 điểm, dưới 70% -50% các vấn đề phát hiện qua kiểm tra được xử lý tính 0,5 điểm. Dưới 50% không tính điểm.

5. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thuộc phạm vi quản lý nhà nước của các xã, thị trấn.

- *TCTP 5.1. Ban hành Kế hoạch tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:* có ban hành kế hoạch kịp thời tính 1 điểm, ban hành không kịp thời, chậm nhất ngày 31/3 của năm kế hoạch tính 0,5 điểm, không ban hành kế hoạch, hoặc sau ngày 31/3 của năm kế hoạch điểm là 0.

- *TCTP 5.2. Các hình thức tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật:* Nêu các hình thức tuyên truyền được thể hiện trong các văn bản đã được cấp có thẩm quyền ban hành, đối chiếu thang điểm quy định để chấm điểm.

III. CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH: Gồm 2 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần (tổng điểm 12).

1. Rà soát, đánh giá, cập nhật thủ tục hành chính

- *TCTP 1.1. Ban hành kế hoạch:* Ban hành kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC của đơn vị theo quy định của cấp trên, đối chiếu với thang điểm để tính điểm.

- *TCTP 1.2. Mức độ thực hiện kế hoạch:* tính tỷ lệ % số nhiệm vụ đã thực hiện trên tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đối chiếu thang điểm quy định để tính điểm.

- *TCTP 1.3. Xử lý các vấn đề phát hiện qua rà soát:*

+ Thực hiện việc rà soát, không phát hiện hoặc có phát hiện những vấn đề cần đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan được 2 điểm.

+ Phát hiện những vấn đề cần đề nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thủ tục hành chính và các quy định có liên quan nhưng không báo cáo cơ quan có thẩm quyền tính 0 điểm.

- *TCTP 1.4 Thực hiện việc tiếp nhận phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.*

Thực hiện đầy đủ theo quy định của các cấp về việc tiếp nhận giải quyết thủ tục hành chính đạt 2 điểm, không thực hiện đầy đủ không tính điểm.

- *TCTP 1.5. Xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết :*

Trên 80% các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được xử lý hoặc kiến nghị xử lý được tính 2 điểm, đối chiếu với thang điểm để tính điểm cho các nội dung thực hiện kế tiếp.

2. Công khai thủ tục hành chính

Niêm yết công khai thủ tục hành chính tại trụ sở đơn vị đầy đủ, rõ ràng, theo từng lĩnh vực, đối chiếu thang điểm quy định để tính điểm các nội dung thực hiện.

IV. CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC: Gồm 2 tiêu chí (tổng điểm 6).

1. Ban hành quy chế làm việc của UBND cấp xã

Ban hành và thường xuyên điều chỉnh, bổ sung phù hợp với quy định của Nhà nước, đạt 4 điểm, đã ban hành nhưng không thường xuyên điều chỉnh, bổ sung tính 2 điểm, chưa ban hành không tính điểm.

2. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cán bộ công chức cấp xã

Căn cứ các quy định của nhà nước về tổ chức bộ máy và phân công cụ thể nhiệm vụ cho cán bộ, công chức theo quy định tính 2 điểm. Không phân công nhiệm vụ không tính điểm.

V. XÂY DỰNG VÀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC: Gồm 3 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần (tổng điểm 12).

1. Xếp xếp, bố trí sử dụng cán bộ, công chức

- *TCTP 1.1. Bố trí cán bộ, công chức:* Bố trí cán bộ, công chức đúng cơ cấu công chức, viên chức theo vị trí việc làm, phù hợp với trình độ chuyên môn theo quy định, đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm.

- *TCTP 1.2. Tỷ lệ cán bộ công chức đạt chuẩn của đơn vị*

Trên 80% cán bộ, công chức đạt chuẩn được 2 điểm, từ 70% trở lên được tính 1 điểm, dưới 50% không tính điểm.

- *TCTP 1.3. Tỷ lệ số cán bộ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm.*

Tỷ lệ số cán bộ công chức được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ trong năm trên 70% số cán bộ, công chức đạt 2 điểm, từ 50% - 70% số cán bộ, công chức 1 điểm, dưới 50% số cán bộ công chức không tính điểm.

2. Đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao

Đánh giá công chức được thực hiện căn cứ quy định chức trách, nhiệm vụ được giao và kết quả thực hiện nhiệm vụ được tính 2 điểm

Không thực hiện việc đánh giá công chức trên cơ sở kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tính 0 điểm.

3. Tinh thần, thái độ phục vụ

- *TCTP 3.1. Tinh thần trách nhiệm trong công việc:* Chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Pháp luật của Nhà nước; có tinh thần trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao; phối hợp chặt chẽ với đồng nghiệp có hiệu quả, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Có tinh thần chủ động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, công vụ được giao, được 2 điểm. không có tinh thần trách nhiệm không tính điểm.

- *TCTP 3.2. Thái độ phục vụ của công chức:* Phải tuân thủ các quy định về văn hóa giao tiếp ở công sở và văn hóa giao tiếp với nhân dân như: phải gần gũi với nhân dân; có tác phong, thái độ lịch sự, nghiêm túc, khiêm tốn; ngôn ngữ giao tiếp phải chuẩn mực, rõ ràng, mạch lạc; không hách dịch, cửa quyền, gây khó khăn, phiền hà cho nhân dân khi thi hành công vụ được tính 2 điểm. Thái độ phục vụ không tốt không tính điểm.

VI. HIỆN ĐẠI HÓA HÀNH CHÍNH: Gồm 2 tiêu chí và 5 tiêu chí thành phần (tổng điểm 12)

1. Ứng dụng công nghệ thông tin

- *TCTP 1.1. Ban hành kế hoạch ứng dụng CNTT của xã, thị trấn:* Nếu thời điểm ban hành kịp thời (trong tháng 1 và tháng 2 của năm kế hoạch) được tính 2 điểm. Ban hành không kịp thời (ban hành muộn hơn, chậm nhất là 31 tháng 3 của năm kế hoạch) được tính 1 điểm. Không ban hành hoặc ban hành sau 31 tháng 3 của năm kế hoạch tính 0 điểm.

- *TCTP 1.2. Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của xã, thị trấn*

Mức độ thực hiện kế hoạch ứng dụng CNTT của UBND cấp xã: tính tỷ lệ % các nhiệm vụ thực hiện được so với tổng số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm: Thực hiện trên 80% kế hoạch được tính 2 điểm. Thực hiện từ 70% - 80% kế hoạch được tính 1 điểm. Thực hiện từ 50% đến dưới 70% kế hoạch được tính 0.5 điểm. Thực hiện dưới 50% kế hoạch tính 0 điểm

- *TCTP 1.3. Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn:* Tỷ lệ cán bộ, công chức thường xuyên sử dụng

dụng công nghệ thông tin vào công tác chuyên môn so với tổng số cán bộ, công chức cơ quan, đơn vị, đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm: Trên 90% số cán bộ, công chức được tính 3 điểm. Từ 80% - 90% số cán bộ, công chức được tính 2.5 điểm. Từ 70% đến dưới 80% số cán bộ, công chức được tính 2 điểm. Từ 60% đến dưới 70% số cán bộ, công chức được tính 1.5 điểm. Từ 50% - đến dưới 60% số cán bộ, công chức được tính 1 điểm. Từ 40% đến dưới 50% số cán bộ, công chức được tính 0.5 điểm. Dưới 40% số cán bộ, công chức tính 0 điểm.

- **TCTP 1.4. UBND xã đã kết nối và sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) để trao đổi công việc:** Có kết nối và sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) được tính 2 điểm. Không có mạng nội bộ (mạng LAN) tính 0 điểm.

- **TCTP 1.5. Mức độ sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc của cán bộ, công chức:** Trên 90% số cán bộ, công chức được tính 2 điểm. Từ 80% - 90% số cán bộ, công chức được tính 1.5 điểm. Từ 70% đến dưới 80% số cán bộ, công chức được tính 1 điểm. Từ 60% đến dưới 70% số cán bộ, công chức được tính 0.5 điểm. Dưới 60% số cán bộ, công chức tính 0 điểm.

2. Triển khai Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần

Có Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần và trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của đơn vị cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản liên quan đến quy định về thủ tục hành chính đó được tính 1 điểm.

Không có Cổng/Trang thông tin điện tử hoặc Cổng/Trang thông tin điện tử thành phần, tính 0 điểm.

VII. THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, MỘT CỬA LIÊN THÔNG: Gồm 4 tiêu chí và 4 tiêu chí thành phần (tổng điểm 16).

1. Số lượng TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông

Số lượng TTHC thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã được giải quyết theo cơ chế một cửa: Tính tỷ lệ % số thủ tục hành chính giải quyết theo cơ chế một cửa so với tổng số thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết từ đó đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm. Trên 80% số lượng TTHC được tính 2 điểm. Từ 70% - 80% số lượng TTHC được tính 1 điểm. Từ 50% đến dưới 70% số lượng TTHC được tính 0.5 điểm. Dưới 50% số lượng TTHC được tính 0 điểm.

2. Chất lượng và điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị và mức độ hiện đại hóa của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:

- **TCTP 2.1. Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông:** Cấp xã triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và đã thực hiện giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông đối chiếu với thang điểm quy định để tính điểm. Đã thực hiện được tính 2 điểm. Chưa thực hiện tính 0 điểm.

- **TCTP 2.2. Bảo đảm đủ không gian diện tích theo quy để phục vụ công dân, tổ chức:** Đảm bảo theo quy định định tại (QĐ số 09/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 25/3/2015 Quyết định ban hành Quy chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông tại cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương) được tính 2 điểm. Không đảm bảo theo quy định tính 0 điểm.

- **TCTP 2.3. Bảo đảm trang thiết bị cho các thành viên Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:** Đầy đủ trang thiết bị theo quy định được tính 2 điểm. Không đầy đủ trang thiết bị tính 0 điểm.

- **TCTP 2.4. Thái độ phục vụ của công chức tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả:** Thái độ lịch sự, niềm nở, hướng dẫn nhiệt tình được tính 2 điểm. Thái độ cáu gắt, không hướng dẫn, gây phiền hà, nhũng nhiễu tính 0 điểm.

3. Công tác tiếp nhận hồ sơ

Thực hiện quy định về tiếp nhận hồ sơ TTHC: Tất cả số hồ sơ tiếp nhận đúng thành phần, phiếu hẹn, Vào sổ theo dõi đầy đủ được 2 điểm. Có vào sổ theo dõi nhưng không đầy đủ tính 1 điểm. Tiếp nhận hồ sơ không đúng quy định, không vào sổ theo dõi tính 0 điểm.

4. Kết quả giải quyết TTHC (Tỷ lệ kết quả giải quyết TTHC đúng hoặc trước hẹn)

Thời gian và kết quả giải quyết TTHC tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tính tỷ lệ số hồ sơ giải quyết đúng thời gian quy định trên tổng số hồ sơ tiếp nhận tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đối chiếu thang điểm quy định để chấm điểm. Đạt 100% được tính 4 điểm. Từ 80% - 99% được tính 3 điểm. Từ 70% đến dưới 80% được tính 2 điểm. Từ 60% đến dưới 70% được tính 1 điểm. Từ 50% đến dưới 60% được tính 0,5 điểm. Dưới 50% tính 0 điểm.

B. BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤM ĐIỂM XÁC ĐỊNH CHỈ SỐ CCHC

1. Xây dựng báo cáo:

Sau khi tự đánh giá, chấm điểm theo các tiêu chí, tiêu chí thành phần quy định trong Chỉ số cải cách hành chính, UBND các xã, thị trấn báo cáo gửi Phòng Nội vụ huyện tổng hợp theo quy định.

- **Tên báo cáo:**

Báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính (theo mẫu phụ lục 1 gửi kèm).

- **Nội dung báo cáo:**

+ Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính (theo mẫu phụ lục 2 gửi kèm).

+ Tài liệu kiểm chứng: Là các văn bản pháp luật, kế hoạch, báo cáo, đề án, quyết định, tài liệu hướng dẫn, các số liệu thống kê...triển khai nhiệm vụ đã được ban hành được nêu tên tại cột tài liệu được kiểm chứng của Bảng tổng hợp phục vụ cho việc tính điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần. Tài liệu kiểm chứng được sao, chụp, scan theo định dạng PDF có đầy đủ chữ ký, con dấu theo thẩm

quyền gửi kèm theo Bảng tổng hợp kết quả và báo cáo chung theo hướng dẫn như trên.

+ Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng yêu cầu diễn giải đầy đủ, cụ thể cách tính điểm và các số liệu liên quan.

+ Các kiến nghị, đề xuất nếu có.

2. Thời gian báo cáo:

Báo cáo của UBND các xã, thị trấn gửi về UBND huyện qua Phòng Nội vụ huyện (kèm theo file báo cáo gửi theo địa chỉ mail: Phongnoivutrieuson@gmail.com) trước ngày 01/11 hàng năm để tổng hợp.

Trên đây là hướng dẫn xác định Chi số cải cách hành chính hàng năm của UBND các xã, thị trấn. Trong quá trình triển khai thực hiện có vấn đề gì vướng mắc, đề nghị phản ánh về Phòng Nội vụ huyện để được giải đáp./. *Tsh*

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HU, TT HĐND (b/c);
- CT, các PCT UBND huyện;
- Lưu: VT, NV.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ trường Sơn

MẪU BÁO CÁO

(Kèm theo Công văn số 218/VUBND-NV ngày 20 / 10 / 2017 của UBND huyện)

ỦY BAN NHÂN DÂN **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
XÃ..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm 2017

BÁO CÁO

**Về việc tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí,
tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính năm.....**

(Tên cơ quan, đơn vị)... gửi UBND huyện Báo cáo về tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính năm của (Tên cơ quan, đơn vị)... với các nội dung chính như sau:

- Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá, chấm điểm tiêu chí, tiêu chí thành phần chỉ số cải cách hành chính (gửi kèm theo).

- Các tài liệu kiểm chứng gửi kèm theo Bảng tổng hợp.

- Đối với những tiêu chí, tiêu chí thành phần không có tài liệu kiểm chứng (Tiêu chí..., tiêu chí thành phần....) (Tên cơ quan, đơn vị)... đã diễn giải đầy đủ, cụ thể cách đánh giá, tính điểm tại cột tài liệu kiểm chứng trong Bảng tổng hợp.

- Các đề xuất, kiến nghị (nếu có).

Nơi nhận:

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

2	Báo cáo CCHC		
2.1	Số lượng báo cáo (2 báo cáo quý: quý 1, quý 3; báo cáo 6 tháng và báo cáo năm)	2	VD: - Báo cáo số 15/BC-UBND ngày 15/02/2017. - Báo cáo số 46/BC-UBND ngày 14/05/2017. -... ..
2.2		
....		
8	THỰC HIỆN CƠ CHẾ MỘT CỬA, CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG		
....		
TỔNG ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ			

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)